

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Lý
- Ông Vũ Đức Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1982. CCCD số: 091082012668
- Bị đơn:* Bà Hòa Thị H, sinh năm 19780. CCCD số: 091180011589

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:**

Nguyên vào năm 2003, ông cùng bà Hòa Thị H đi đến hôn nhân, có sự chứng kiến của họ hàng thân tộc. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, tỉnh An Giang. Ông bà có 3 con chung tên Trần Văn T, sinh năm 2004, Trần Ngọc T1, sinh năm 2009, Trần Anh K, sinh năm 2017. Trong thời gian ông đi biển, bà H dắt trai về nhà, em trai của ông bắt gặp và có báo công an xã mời lên làm việc. Từ đó, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu tòa án xem xét giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Hòa Thị H.

Về con chung: có 03 con chung là Trần Văn T, sinh năm 2004, Trần Ngọc T1, sinh năm 2009, Trần Anh K, sinh năm 2017. Ông P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Anh K, và Trần Thị Ngọc T1, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung, còn Trần Văn T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

*** Bị đơn bà Hỏa Thị H:**

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: có 03 con chung là Trần Văn T, sinh năm 2004, Trần Ngọc T1, sinh năm 2009, Trần Anh K, sinh năm 2017. Bà H yêu cầu được nuôi con tên Trần Anh K, yêu cầu ông P cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có căn nhà tại ấp M, xã M, tỉnh An Giang, cất trên đất của cha mẹ chồng cho, chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà này bà muốn để lại cho con trai Trần Anh K sau này về ở.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Trần Văn P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Hỏa Thị H; bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã M, tỉnh An Giang. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P, Hội đồng xét xử nhận định: Ông P và bà H lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn ngày 16/7/2009 tại UBND xã M, tỉnh An Giang. Như vậy, việc kết hôn của ông bà đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần ông bà bất đồng quan điểm, không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Từ

đó, ông bà đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Hơn nữa, việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay ông P xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với bà H. Tại phiên toà các đương sự thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 3 con chung tên Trần Văn T, sinh năm 2004, Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 2009, Trần Anh K, sinh năm 2017. Ông P yêu cầu được nuôi 02 con chưa thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà sơ thẩm, cháu Trần Thị Ngọc T1 có nguyện vọng muốn được ở với cha và cháu Trần Anh K có nguyện vọng được ở với mẹ. Các đương sự đều thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết theo nguyện vọng của các con. Xét thấy: Ông P là ngư phủ thường xuyên đi biển, không có thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Thị Ngọc T1 cho ông P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu A K cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, mặc dù ông P được giao tiếp tục nuôi con tên Trần Thị Ngọc T1, tuy nhiên cháu T1 hiện tại không còn đi học và cháu cũng chuẩn bị đủ tuổi trưởng thành có thể tự đi làm lo cho cuộc sống của mình. Đối với cháu A K thì còn nhỏ, bà H làm công nhân, thuê nhà trọ nên chi phí cho việc nuôi con tốn kém hơn. Do đó cần buộc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000 đồng đến khi con đến tuổi trưởng thành (căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú).

[2.3] Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của ông P.

[3]. Về án phí sơ thẩm: ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn P và bà Hòa Thị H.

2. Về con chung:

- Giao cho ông Trần Văn P tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Ngọc T1, sinh ngày 12/01/2009 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

- Giao cho bà Hòa Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 31/12/2017 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian nuôi dưỡng con chung, ông P và bà H đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Văn P cấp dưỡng nuôi cháu Trần Anh K mỗi tháng 1.725.000 đồng (Một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành.

4. Về án phí: Ông Trần Văn P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0009709 ngày 24 tháng 11 năm 2025. Ông P còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – C Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Thuận (để theo dõi);
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc

